

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8 - 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Là;
2. Ông Lê Công Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng..

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-5-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ. Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng từ năm 2019 trở lại đây thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều do bất đồng quan điểm sống và chí hướng làm ăn nên ông, bà thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau. Từ năm 2022 thì hai ông, bà không còn sống cùng nhau nữa. Nay, ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn C xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/7/2018, khi ly hôn hai vợ chồng thỏa thuận bà L sẽ trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành. Ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

** Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2022, Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C kết hôn với nhau vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ. Ông, bà chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và bà L đã về thuê nhà trọ tại xã H, huyện L sinh sống, hai vợ chồng ly thân với nhau. Nay ông C yêu cầu được ly hôn với bà thì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông C.

- Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/7/2018, hiện đang ở với bà, khi ly hôn bà L có nguyện vọng nuôi con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và ông C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị L; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/7/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Nguyễn Thị L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Nguyên đơn có địa chỉ ở thôn Đ, xã Đ huyện Đam Rông, bị đơn có địa chỉ ở thôn P, xã H, huyện L nhưng hai bên thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đam Rông giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2017 ngày 07/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc đương sự vắng mặt: Tại phiên tòa, bà L vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ông, bà chung sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và hiện nay cả hai không còn chung sống với nhau nữa, bà L chuyển về xã H, huyện L sinh sống. Kết quả xác minh tại địa phương về quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L thì thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C và bà L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của ông C là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn C.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L đều xác định ông bà có 01 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 07/7/2018. Khi ly hôn, ông C cho rằng hai vợ chồng thỏa thuận bà L sẽ trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành còn bà L cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung đến khi trưởng thành. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành, ông C cũng đồng ý với yêu cầu này. Xét thấy cháu N là con gái, việc bà L trực tiếp nuôi con sẽ đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu và mức cấp dưỡng như bà L yêu cầu và ông C đồng ý là hợp lý nên cần giao cháu Nguyễn Hồng N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật và ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (bắt đầu từ tháng 9 năm 2022).

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ông C và bà L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hồng N cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ tháng đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật (bắt đầu từ tháng 9 năm 2022).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006182 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Ông C phải tiếp tục nộp thêm 300.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Đ, huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương

